

# Có được chuyển nhượng đất rừng đặc dụng không?

15:42 18/10/2024

Đất rừng đặc dụng có được chuyển nhượng hay không? Những ai được giao đất rừng đặc dụng để quản lý, sử dụng?

## 1. Có được chuyển nhượng đất rừng đặc dụng không?

Căn cứ khoản 8 Điều 45 Luật Đất đai 2024, các trường hợp sau đây sẽ không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất:

- (i) Tổ chức kinh tế không được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng của cá nhân, trừ trường hợp được chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- (ii) Cá nhân không sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thì không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất ở và đất khác trong khu vực rừng phòng hộ, trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái thuộc rừng đặc dụng đó.
- (iii) Tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài mà pháp luật không cho phép nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất.

Như vậy, pháp luật không cho phép việc chuyển nhượng rừng phòng hộ cho Cá nhân không sinh sống trong khu vực rừng đặc dụng đối. Do đó, rừng phòng hộ được phép chuyển nhượng cho cá nhân sinh sống trong khu vực rừng đặc dụng đó.

*Lưu ý:* Tổ chức kinh tế không được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng của cá nhân, trừ trường hợp được chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan

có thẩm quyền phê duyệt.

 Tải về

**Tổng hợp File word các hợp đồng mẫu trong Kinh doanh bất động sản mới nhất**



*Giải đáp câu hỏi: Có được chuyển nhượng đất rừng đặc dụng (Ảnh minh họa - Nguồn từ Internet)*

## **2. Những ai được giao đất rừng đặc dụng để quản lý, sử dụng?**

Căn cứ Điều 186 Luật Đất đai 2024, Nhà nước giao đất rừng đặc dụng để quản lý, sử dụng, bảo vệ, phát triển rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp cho các đối tượng sau đây:

- (i) Ban quản lý rừng đặc dụng.
- (ii) Tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp.
- (iii) Ban quản lý rừng phòng hộ, tổ chức kinh tế, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.
- (iv) Cộng đồng dân cư trên địa bàn cấp xã nơi có rừng đặc dụng.

Theo đó, căn cứ điều kiện cụ thể, ban quản lý rừng đặc dụng phối hợp với chính quyền địa phương lập dự án di dân, tái định cư trình cơ quan có thẩm quyền

phê duyệt để di dân ra khỏi phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng.

Người được Nhà nước giao đất quy định tại Mục này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nhưng không được ghi nhận tài sản là tài sản công trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

*Lưu ý, các đối tượng được Nhà nước giao đất rừng đặc dụng quy định được xây dựng công trình kết cấu hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.*

### **3. Có được cho thuê đất rừng đặc dụng để làm khu du lịch sinh thái hay không?**

**[Quý khách hàng xem chi tiết TẠI ĐÂY].**

#### ***Điều 6. Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất - Luật Đất đai 2024:***

***1. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; người đứng đầu của tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao đối với việc sử dụng đất của tổ chức mình.***

***2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích; đất phi nông nghiệp đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân, các công trình công cộng phục vụ hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí, chợ, nghĩa trang và công trình công cộng khác của xã, phường, thị trấn; đất tôn giáo, đất tín ngưỡng chưa giao quản lý, sử dụng.***

***3. Người đại diện cho cộng đồng dân cư là trưởng thôn, làng, ấp, bản, bon, buôn, phum, sóc, tổ dân phố và điểm dân cư tương tự hoặc người được cộng đồng dân cư thỏa thuận cử ra.***

***4. Người đại diện tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc đối với việc sử dụng đất của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.***

***5. Cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đối với việc sử dụng đất của mình.***

***6. Người có chung quyền sử dụng đất hoặc người đại diện cho nhóm người có chung quyền sử dụng đất đối với việc sử dụng đất đó.***

**H. Thủy** (Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/>)